

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 31/2020/DS-ST

Ngày: 26/6/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thanh Liêm

2. Bà Nguyễn Thị Thảo

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hào - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Liêm- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 40/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Bà Trần Thị Hồ S, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: 406 đường P, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bùi Văn B, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Ông Võ Ngọc A, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 406 đường P, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2020 các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H trình bày:* Từ năm 2014 đến năm 2016 bà Trần Thị Hồ S nhiều lần vay tiền của bà với tổng số tiền là 230.000.000.đ, khi vay bà S có viết hợp đồng vay, vay không thời hạn, lãi thỏa thuận tùy theo thời điểm trả, mức lãi suất từ 2% đến 4%/tháng, bà S đã trả lãi đến tháng 8/2016(AL), số tiền lãi đã nhận bà không nhớ, sau đó bà cần tiền, nhiều lần đòi nợ thì vợ chồng bà S

trả 85.000.000đ tiền vay gốc, lần cuối cùng trả vào cuối năm 2019, số tiền còn nợ bà nhiều lần đến đòi nhưng bà S cứ hẹn dần.

Nay bà yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị Hồ S - ông Võ Ngọc A có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà số tiền vay gốc còn lại là 145.000.000.đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất Ngân hàng, thời điểm tính lãi từ ngày 06/9/2016(AL) cho đến nay

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/4/2020 các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Hồ S trình bày:* Bà đồng ý như lời bà H vừa khai, về thời điểm vợ chồng bà vay tiền, tổng số tiền vay là 230.000.000.đ, bà thừa nhận các chữ ký và chữ viết trong 04 hợp đồng vay mà Tòa đưa cho bà xem đúng là chữ viết, chữ ký của bà, chồng bà là ông A cũng biết việc vay tiền trên. Mục đích bà vay tiền để vợ chồng kinh doanh xe tải nhưng bị thua lỗ, bà trả được 85.000.000.đ. Nay bà xác định còn nợ bà H số tiền 145.000.000.đ, xin trả mỗi năm 5.000.000đ từ nay cho đến khi hết nợ, xin tiền lãi chậm trả, khoản tiền lãi đã trả 4%/tháng, trả lãi đến tháng 8/2016(AL) khi trả chỉ tin tưởng chứ không có giấy tờ gì, bà không yêu cầu tính lại lãi suất. Thời điểm kinh doanh thua lỗ, ngày 6/9/2016 (AL) vợ chồng bán xe có đem trả 50.000.000đ và xin tiền lãi chậm trả, trả dần mỗi năm 10.000.000đ, phương án này chỉ thỏa thuận miệng, vợ chồng bà H chấp nhận và bà đã trả đúng như cam kết, cuối năm 2019 bà vẫn trả 5.000.000đ nhưng nay lại khởi kiện. Chồng của bà hiện đang lái xe thuê chở hàng, bà liên lạc qua điện thoại thì ông A cũng biết và ý kiến của ông như ý kiến của bà.

*Tại bản tự khai ngày 17/4/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn B trình bày:* Ông với bà H quan hệ là vợ chồng, ông thống nhất toàn bộ như lời trình bày của bà H về số tiền vay, thời điểm vay, số tiền đã trả, số tiền còn nợ. Nay ông yêu cầu vợ chồng bà S - ông A có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông số tiền vay còn nợ là 145.000.000.đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất Ngân hàng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Ngọc A không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án.* Sau khi thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cụ thể: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho người thân trong gia đình đang sống chung với ông, cụ thể là vợ của ông trực tiếp ký nhận và cam kết giao cho ông được thể hiện qua các biên bản giao văn bản tố tụng, nhưng ông lái xe thuê phụ thuộc hàng hóa chủ thuê khi về địa phương lại đi ngay nên không đến Tòa.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, tất cả các hoạt động tố tụng những người tiến hành tố tụng đều tuân theo đúng quy định của pháp luật. Còn về chấp hành pháp luật những người tham gia tố tụng thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc H buộc vợ chồng bà S- ông A có trách nhiệm trả cho bà H số

tiền 145.000.000.đ, không yêu cầu tính lãi và bác yêu cầu xin trả dần của bà S mỗi năm trả 5.000.000đ do bà H không chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bà Huỳnh Thị Ngọc H yêu cầu vợ chồng bà S -ông A thanh toán tiền nợ vay do đó quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vợ chồng bà S - ông A đang ở tại thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A.

Về áp dụng pháp luật và thời hiệu: Theo điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS 2015 thì vụ án trên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015. Thời điểm bà H và bà S xác định không trả tiền cuối năm 2019, theo quy định tại Điều 429 BLDS thì vụ án trên còn thời hiệu khởi kiện.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Võ Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử lần thứ hai, nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Ngọc A.

#### **[2] Về nội dung:**

##### **[2.1] Về yêu cầu khởi kiện:**

Chứng cứ bà H đưa ra để yêu cầu khởi kiện là 04 hợp đồng cho vay tiền có chữ ký của bà S, tổng số tiền vay là 230.000.000đ, bà S xác nhận chữ ký, chữ viết trong các giấy trên đúng là do bà viết và ký. Qua các văn bản tố tụng cũng như tại phiên tòa bà S thừa nhận đã trả 85.000.000đ, hiện còn nợ tiền vay gốc của bà H là 145.000.000.đ, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà S - ông A còn nợ tiền vay 145.000.000.đ của bà H - ông B là có cơ sở, với chứng cứ trên thể hiện hợp đồng vay thỏa mãn tại Điều 463 BLDS.

Về lãi suất: Bà H xác định thời điểm từ khi vay đến ngày 06/9/2016(AL) đã trả lãi, với mức lãi suất từ 2% đến 4%/tháng, nay bà S không yêu cầu tính lại lãi suất đã trả và bà H, ông B cũng không yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 06/9/2016(AL) đến nay, nên miễn xét về lãi suất.

Về phương thức thanh toán nợ: Về đề nghị của bà S xin trả dần mỗi năm 5.000.000đ, nhưng không được vợ chồng bà H chấp nhận và pháp luật không có quy định, nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà S.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội, vợ chồng bà S -ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 145.000.000đ x 5% = 7.250.000.đ.

[ 3] Qua đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 92,147, 227,228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357 và Điều 429,463, 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc H, buộc vợ chồng bà Trần Thị Hồ S - ông Võ Ngọc A phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vay cho vợ chồng bà H -ông B với số tiền là 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

2. Bác yêu cầu của bà S xin trả dần vì bà H và ông B không chấp nhận.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà S -ông A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 7.250.000.đ (Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), vợ chồng bà H - ông B không phải chịu án phí.

### **4/Về nghĩa vụ thi hành án:**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự bà Huỳnh Thị Ngọc H , ông Bùi Văn B và bà Trần Thị Hồ S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, ông Võ Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

### Nơi nhân:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Bình Định
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Kiều Oanh**